

macro

**CHƯƠNG 14**

**Chính sách Ổn định**

**kinh tế vĩ mô**

bản thứ năm

**N. Gregory Mankiw**

Bài giảng của Phạm Thế Anh  
pham.theanh@yahoo.com  
(dịch và sửa theo bài giảng của Ron Cronovich)

© 2002 Worth Publishers, all rights reserved

**Mục tiêu của chương**

Trong chương này chúng ta sẽ nghiên cứu hai tranh luận về chính sách:

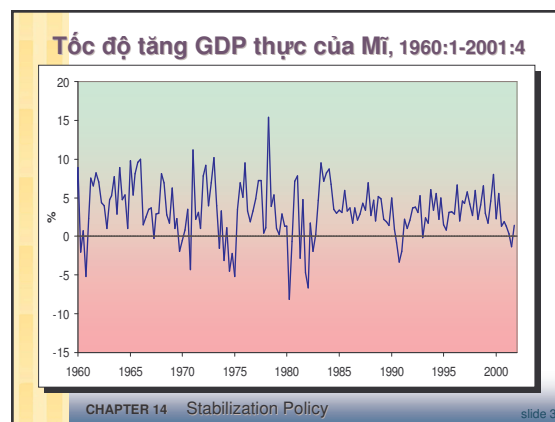
1. Chính sách nên chủ động hay bị động?
2. Chính sách nên được thực hiện theo quy tắc nhất định hay tùy ý?

CHAPTER 14 Stabilization Policy
slide 1

**Câu hỏi 1:**

**Chính sách nên chủ động hay bị động?**

CHAPTER 14 Stabilization Policy
slide 2



**Những lập luận ủng hộ chính sách chủ động**

- Những cuộc suy thoái gây khó khăn kinh tế cho hàng triệu người.
- Đạo luật về việc làm trong năm 1946: "đó là chính sách và trách nhiệm của chính phủ liên bang trong việc... thúc đẩy sản xuất và toàn dụng nhân công."
- Mô hình tổng cung và tổng cầu (Chương 9-13) cho thấy chính sách tài khoá và tiền tệ có thể phản ứng với các cú sốc và ổn định hoá nền kinh tế như thế nào.

CHAPTER 14 Stabilization Policy
slide 4

**Sự thay đổi của thất nghiệp trong các cuộc suy thoái**

đỉnh	đáy	gia tăng số người thất nghiệp (triệu)
7/1953	5/1954	2,11
8/1957	4/1958	2,27
4/1960	2/1961	1,21
12/1969	11/1970	2,01
11/1973	3/1975	3,58
1/1980	7/1980	1,68
7/1981	11/1982	4,08
7/1990	3/1991	1,67

CHAPTER 14 Stabilization Policy
slide 5

### Những lập luận phản đối chính sách chủ động

#### 1. Độ trễ kéo dài & dễ thay đổi

##### **độ trễ trong:**

thời gian từ khi cú sốc xảy ra đến khi có phản ứng chính sách

- cần có thời gian để nhận ra được cú sốc
- cần có thời gian để thực hiện chính sách, đặc biệt là chính sách tài khoá

##### **độ trễ ngoài:**

thời gian để chính sách phát huy tác dụng đến nền kinh tế

*Nếu tình hình đã thay đổi trước khi tác động của chính sách được phát huy thì chính sách có thể làm mất ổn định nền kinh tế.*

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 6

### Các nhân tố ổn định tự động

#### ▪ định nghĩa:

các chính sách kích thích hoặc hạ nhiệt nền kinh tế khi cần thiết mà không cần sự thay đổi chính sách nào.

- Chúng được thiết kế nhằm làm giảm những độ trễ liên quan đến chính sách ổn định hoá.

#### ▪ Ví dụ:

- thuế thu nhập
- bảo hiểm thất nghiệp
- phúc lợi

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 7

### Dự báo kinh tế vĩ mô

Do các chính sách hoạt động với độ trễ, các nhà hoạch định chính sách phải dự báo được các tình trạng trong tương lai.

Các cách đưa ra dự báo:

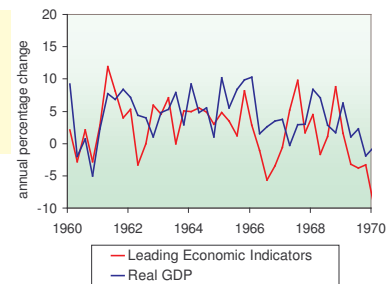
- **Những chỉ số kinh tế có tính dự báo (LEI):** những chuỗi số liệu dao động trước nền kinh tế
- **Các mô hình kinh tế vĩ mô:** Những mô hình có quy mô lớn với các tham số được ước lượng có thể được sử dụng để dự báo sự phản ứng của các biến nội sinh với các cú sốc và chính sách.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 8

### Chỉ số LEI và GDP thực tế, 1960s

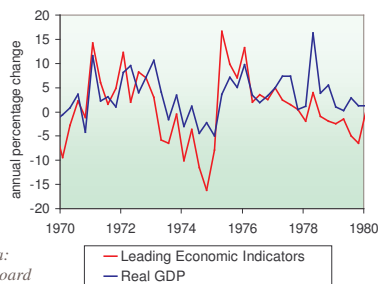
Chỉ số LEI (The Index of Leading Economic Indicators) gồm 10 chuỗi số liệu (xem khung FYI trang 383).



CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 9

### Chỉ số LEI và GDP thực tế, 1970s

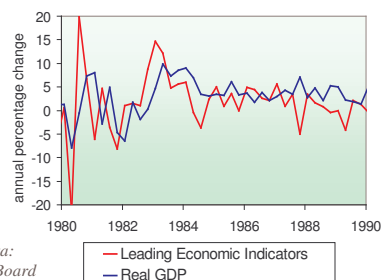


source of LEI data:  
The Conference Board

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 10

### Chỉ số LEI và GDP thực tế, 1980s

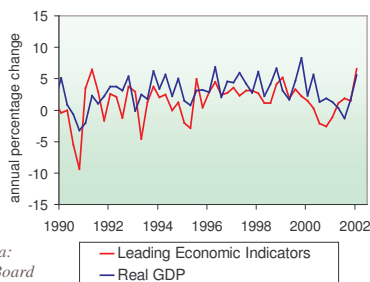


source of LEI data:  
The Conference Board

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 11

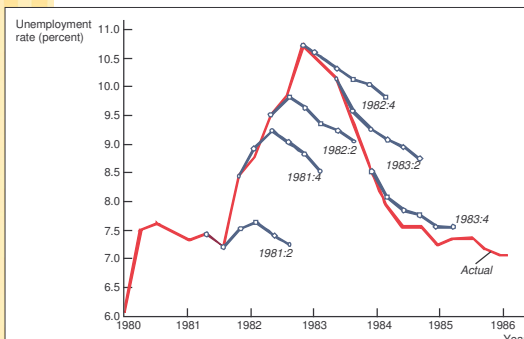
## Chỉ số LEI và GDP thực tế, 1990s



CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 12

## Sai lầm dự báo cuộc suy thoái năm 1982



## Dự báo kinh tế vĩ mô

Do các chính sách phát huy hiệu quả với các độ trễ, các nhà hoạch định chính sách phải dự báo được các tình trạng kinh tế trong tương lai.

*Những slides trước cho thấy rằng dự báo thường mắc sai lầm.*

*Đây là một lý do tại sao một số nhà kinh tế phản đối chính sách chủ động.*

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 14

## Phê phán của Lucas

- Do Robert Lucas đưa ra giành giải Nobel năm 1995 cho lý thuyết về "kỳ vọng hợp lý"
- Dự báo hiệu ứng của những thay đổi chính sách thường được thực hiện với các mô hình ước lượng sử dụng số liệu quá khứ.
- Lucas chỉ ra rằng những dự báo như vậy sẽ không có giá trị nếu sự thay đổi chính sách làm thay đổi kỳ vọng theo cách làm thay đổi mối quan hệ cơ bản giữa các biến số.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 15

## Một ví dụ về Phê phán của Lucas

- Dự báo (dựa trên thực tế đã xảy ra): sự gia tăng tốc độ tăng trưởng tiền tệ làm giảm thất nghiệp
- Phê phán của Lucas chỉ ra rằng sự gia tăng tốc độ tăng trưởng tiền tệ có thể làm tăng lạm phát kỳ vọng, trong trường hợp đó thất nghiệp không nhất thiết sẽ giảm.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 16

## Cần có trọng tài...

Việc nhìn lại lịch sử gần đây không đưa ra đáp án rõ ràng cho câu hỏi 1:

- Dựa vào số liệu rất khó xác định được cú sốc,
- và rất khó nói mọi thứ sẽ khác đi như thế nào nếu các chính sách không được sử dụng.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 17

## Câu hỏi 2:



Chính sách nên được thực hiện theo quy tắc hay tùy ý?

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 18

## Các quy tắc và sự tùy ý: những khái niệm cơ bản

- **Chính sách được thực hiện theo quy tắc:**  
Các nhà hoạch định chính sách thông báo trước chính sách sẽ phản ứng trong các tình huống khác nhau, và cam kết thực hiện chúng nếu tình huống đó xảy ra.
- **Chính sách được thực hiện tùy ý:**  
Khi các sự kiện xảy ra và hoàn cảnh thay đổi, các nhà hoạch định chính sách sử dụng nhận định của họ và sử dụng bất cứ chính sách nào được coi là hợp lý vào thời điểm đó.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 19

## Những lập luận ủng hộ việc thực hiện chính sách theo quy tắc

1. Sự mất lòng tin vào các nhà hoạch định chính sách và diễn biến chính trị
  - các nhà chính trị bị thông tin sai lệch
  - lợi ích của các nhà chính trị đôi khi không giống với lợi ích của xã hội

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 20

## Những lập luận ủng hộ việc thực hiện chính sách theo nguyên tắc

2. **Sự thiếu nhất quán theo thời gian của chính sách được thực hiện tùy ý**
  - định nghĩa: Một bối cảnh trong đó các nhà hoạch định chính sách có động cơ thất hứa với một chính sách nào đó đã được thông báo trước đây một khi mọi người đã hành động theo thông báo đó.
  - Phá huỷ lòng tin vào các nhà hoạch định chính sách, do vậy làm giảm tính hiệu quả của các chính sách.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 21

## Ví dụ về chính sách không nhất quán theo thời gian

Nhằm khuyến khích đầu tư, chính phủ thông báo rằng họ sẽ không đánh thuế thu nhập từ tư bản.  
Tuy nhiên sau khi các nhà máy được xây dựng, chính phủ thất hứa nhằm tăng doanh thu thuế.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 22

## Ví dụ về chính sách không nhất quán theo thời gian

Để giảm lạm phát kỳ vọng, ngân hàng trung ương thông báo họ sẽ thắt chặt chính sách tiền tệ.  
Tuy nhiên do phải đối mặt với thất nghiệp cao, ngân hàng trung ương có thể cắt giảm lãi suất.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 23

### Ví dụ về chính sách không nhất quán theo thời gian

Viện trợ các nước nghèo chỉ xảy ra khi có những cải cách tài khoá.

Những cải cách tài khoá không xảy ra, nhưng viện trợ vẫn được thực hiện, do nước tài trợ không muốn công dân của những nước nghèo bị đói.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 24

### Các quy tắc chính sách tiền tệ

- a. Tốc độ tăng cung tiền cố định
  - được ủng hộ bởi các nhà *Kinh tế tiền tệ*
  - ổn định tổng cầu chỉ khi tốc độ lưu thông tiền tệ ổn định

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 25

### Các quy tắc chính sách tiền tệ

- a. Tốc độ tăng cung tiền cố định
- b. Đặt mục tiêu cho tốc độ tăng GDP danh nghĩa
  - tự động tăng cung tiền bất cứ khi nào GDP danh nghĩa tăng chậm hơn mức mục tiêu; giảm tốc độ tăng tiền khi GDP danh nghĩa tăng vượt mức mục tiêu.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 26

### Các quy tắc chính sách tiền tệ

- a. Tốc độ tăng cung tiền cố định
- b. Đặt mục tiêu cho tốc độ tăng GDP danh nghĩa
- c. Đặt mục tiêu cho tỷ lệ lạm phát
  - tự động giảm tốc độ tăng tiền bất cứ khi nào lạm phát tăng cao hơn mức mục tiêu.
  - Hiện nay ngân hàng trung ương nhiều nước thực hiện việc đặt mục tiêu cho lạm phát, tuy nhiên họ cũng thực hiện chính sách tuỳ ý đôi chút.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 27

### Các quy tắc chính sách tiền tệ

- a. Tốc độ tăng cung tiền cố định
- b. Đặt mục tiêu cho tốc độ tăng GDP danh nghĩa
- c. Đặt mục tiêu cho tỷ lệ lạm phát
- d. "Quy tắc Taylor"
  - Đặt mục tiêu cho lãi suất ngắn hạn dựa trên
    - tỷ lệ lạm phát
    - khoảng cách giữa GDP ở mức toàn dụng và GDP trong thực tế

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 28

### Quy tắc Taylor

$$r_{\pi} = 2 + 0.5(\pi - 2) - 0.5(\text{Khoảng cách GDP})$$

trong đó:

$$i_{\pi} = \text{lãi suất danh nghĩa}$$

$$r_{\pi} = i_{\pi} - \pi = \text{lãi suất thực tế}$$

$$\begin{aligned} \text{khoảng cách GDP} &= 100 \times \frac{\bar{Y} - Y}{\bar{Y}} \\ &= \% \text{ GDP thực tế ở dưới} \\ &\quad \text{mức tiềm năng của nó} \end{aligned}$$

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 29

## Quy tắc Taylor

$$r_{\pi} = 2 + 0.5(\pi - 2) - 0.5(\text{Khoảng cách GDP})$$

- Nếu  $\pi = 2$  và sản lượng tại mức tự nhiên, thì chính sách tiền tệ đặt mục tiêu cho lãi suất thực tế ở mức 2% (và lãi suất danh nghĩa tại 4%).
- Với mỗi phần trăm tăng của  $\pi$ , chính sách tiền tệ tự động thắt chặt để tăng lãi suất thực tế thêm 0.5.
- Với mỗi phần trăm GDP giảm dưới mức tự nhiên, chính sách tiền tệ sẽ nới lỏng nhằm giảm lãi suất thực tế 0.5.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 30

## Quy tắc Taylor

$$i_{\pi} = \pi + 2 + 0.5(\pi - 2) - 0.5(\text{Khoảng cách GDP})$$

trong đó:

$$i_{\pi} = \text{lãi suất danh nghĩa}$$

$$\text{khoảng cách GDP} = 100 \times \frac{\bar{Y} - Y}{\bar{Y}}$$

= % GDP thực tế ở dưới  
mức tiềm năng của nó

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 31

## Quy tắc Taylor

$$i_{\pi} = \pi + 2 + 0.5(\pi - 2) - 0.5(\text{Khoảng cách GDP})$$

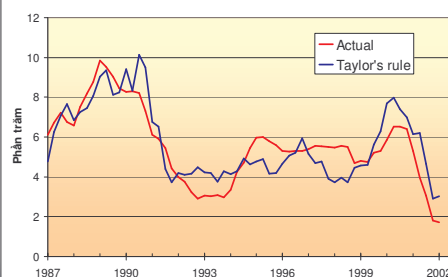
- Nếu  $\pi = 2$  và sản lượng tại mức tự nhiên, thì chính sách tiền tệ đặt mục tiêu cho lãi suất danh nghĩa ở mức 4% (và lãi suất thực tế tại 2%).
- Với mỗi phần trăm tăng của  $\pi$ , chính sách tiền tệ tự động thắt chặt nhằm tăng lãi suất danh nghĩa thêm 1,5 (và lãi suất thực tế tăng 0,5).
- Với mỗi phần trăm GDP giảm dưới mức tự nhiên, chính sách tiền tệ sẽ nới lỏng nhằm giảm lãi suất 0,5.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 32

## Greenspan có thực hiện Quy tắc Taylor không?

FFR trong thực tế và theo đề xuất



CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 33

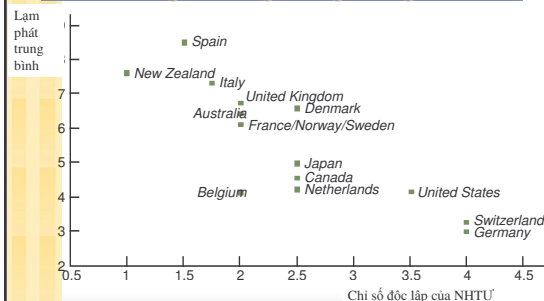
## Sự độc lập của ngân hàng trung ương

- Một quy tắc chính sách được công bố bởi ngân hàng trung ương sẽ chỉ có hiệu quả khi công bố đó là đáng tin cậy.
- Mức độ tin cậy phụ thuộc một phần và sự độc lập của ngân hàng trung ương.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 34

## Lạm phát và sự độc lập của ngân hàng trung ương



CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 35

## Tóm tắt chương

1. Những người ủng hộ chính sách chủ động tin rằng:
  - những cú sốc thường xuyên sẽ dẫn đến những dao động không cần thiết của sản lượng và việc làm
  - chính sách tài khoá và tiền tệ có thể ổn định nền kinh tế
2. Những người ủng hộ chính sách bị động tin rằng:
  - sự chậm trễ kéo dài và dễ thay đổi liên quan đến chính sách tài khoá và tiền tệ làm cho chúng kém hiệu quả và có thể làm mất ổn định
  - chính sách không phù hợp làm tăng sự dao động của sản lượng và việc làm

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 36

## Tóm tắt chương

3. Những người ủng hộ chính sách tùy ý tin rằng:
  - sự tùy ý sẽ giúp cho các nhà hoạch định chính sách linh hoạt hơn trong việc phản ứng lại những cú sốc
4. Những người ủng hộ quy tắc chính sách tin rằng:
  - không thể tin được diễn biến chính trị: các chính khách mắc những sai lầm chính sách hoặc sử dụng chính sách cho những lợi ích riêng của họ
  - việc cam kết thực hiện một chính sách cố định là cần thiết nhằm tránh sự không nhất quán theo thời gian và duy trì lòng tin.

CHAPTER 14 Stabilization Policy

slide 37